

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 25 – 9 – 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Bhiu Mlô, ông Vũ Công Đạt.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 25/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông: Hoàng Văn H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K - Bắc Đăk Lăk (*Theo quyết định số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N*).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K - Bắc Đăk Lăk (*Theo Giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 17 tháng 02 năm 2020*).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Buôn TM, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế N trình bày:

Ngày 15/11/2018, ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D đã ký Hợp đồng tín dụng số 5226-LAV-201801194 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K – Bắc Đắc Lắc (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt, đầu tư máy móc thiết bị tăng năng suất vườn cây cà phê, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H1, bà D số tiền vay, thỏa thuận kỳ hạn trả nợ theo định kỳ trả nợ gốc và lãi, kỳ đầu tiên phải trả gốc là ngày 15/11/2019, số tiền phải trả là 50.000.000 đồng, các kỳ tiếp theo là ngày 15/11/2020, ngày 15/11/2021, ngày 15/11/2022 và ngày 15/11/2023, kỳ hạn trả lãi là 06 tháng/lần.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H1, bà D đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240372347/HĐTC ngày 12/11/2018 (đã đăng ký giao dịch đảm bảo), tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 226, tờ bản đồ số 42, diện tích đất 1336,1m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Lắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CD 354737, cấp ngày 08/6/2016, mang tên ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 và bà D đã vi phạm thỏa thuận và cam kết trong các hợp đồng đã ký với Ngân hàng, không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H1, bà D không hợp tác. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 272.637.671 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 17/02/2020 là 22.637.671 đồng (lãi suất được áp dụng tại thời điểm cho vay) và ông H1, bà D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 18/02/2020 đến khi ông H1, bà D trả hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp H1, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông H1, bà D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240372347/HĐTC ngày 12/11/2018 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng yêu cầu ông H1, bà D phải trả tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử vụ án là ngày 25/9/2020, với tổng số tiền là 291.785.959 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 41.785.959 đồng, gồm lãi trong hạn là 39.304.795 đồng, lãi quá hạn là 2.481.164 đồng. Yêu cầu ông H1, bà D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi ông H1, bà D trả xong nợ. Giữ nguyên yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp đã nêu trên.

Bị đơn ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Búk cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các các giấy báo tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H1, bà D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông H1 và bà D.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Đối với bị đơn ông H1, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông H1, bà D phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử, tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26/9/2020 đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông H1, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS.

Bị đơn ông H1, bà D mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H1, bà D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà D là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy

định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5226-LAV-201801194, ngày 15/11/2018 giữa ông H1 và bà D với Ngân hàng, thể hiện ông H1, bà D đã vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt, đầu tư máy móc thiết bị tăng năng suất vườn cây cà phê, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H1, bà D số tiền vay, thỏa thuận kỳ hạn trả nợ theo định kỳ trả nợ gốc và lãi, theo đó kỳ đầu tiên phải trả gốc là ngày 15/11/2019, số tiền phải trả là 50.000.000 đồng, các kỳ tiếp theo là ngày 15/11/2020, ngày 15/11/2021, ngày 15/11/2022 và ngày 15/11/2023, kỳ hạn trả lãi là 06 tháng/lần. Việc ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật nên việc ông H1, bà D vay Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng là có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H1, bà D đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi, vì kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 15/11/2019, định kỳ trả lãi 06 tháng/lần, nhưng từ ngày vay đến nay ông H1, bà D chưa trả bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng yêu cầu ông H1, bà D phải trả tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử vụ án là ngày 25/9/2020, với tổng số tiền là 291.785.959 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 41.758.959 đồng, gồm lãi trong hạn là 39.304.795 đồng, lãi quá hạn là 2.481.164 đồng. Yêu cầu ông H1, bà D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi ông H1, bà D trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 244, các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ông H1, bà D đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240372347/HĐTC ngày 12/11/2018 với Ngân hàng. Việc thế chấp tài sản bảo đảm, ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng theo quy định của pháp luật, có hiệu lực thi hành. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Trong trường hợp H1, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông H1, bà D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240372347/HĐTC ngày 12/11/2018 để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các Điều 299, 317, 318, 320, 322, 323 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất 226, tờ bản đồ số 42, diện tích đất 1336,1m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CD 354737, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D.

Trường hợp ông H1, bà D trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 354737 cho ông H1, bà D là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông H1, bà D phải chịu 14.589.297 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*mức tính 291.785.959 đồng x 5%*). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 6.815.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 299, 317, 318, 320, 322, 323, Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc bị đơn ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 291.785.959 đồng (*hai trăm chín mươi một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử vụ án ngày 25/9/2020 là 41.785.959 đồng (*gồm lãi trong hạn là 39.04.795 đồng, lãi quá hạn là 2.481.164 đồng*), ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/9/2020 đến khi ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D trả hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5226-LAV-201801194, ngày 15/11/2018.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp do ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D đã

thể chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240372347/HĐTC ngày 12/11/2018 để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất 226, tờ bản đồ số 42, diện tích đất 1336,1m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CD 354737, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/6/2016 mang tên ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D.

Trường hợp ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng N mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng trả lại cho ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 354737.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Lê Đình H1 và bà Nguyễn Thị D phải chịu 14.589.297 đồng (*mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 6.815.000 đồng (*sáu triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0006455 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Văn Vân

